

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 15/2024/KDTM-ST

Ngày 30/8/2024

“*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Đôn.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trương Vĩnh Mai, ông Hoàng Văn Mâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2024/TLST-KDTM ngày 12/3/2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-KDTM ngày 08/8/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST – KDTM ngày 21/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần C1.

Trụ sở chính: Số A T - Quận H - Thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Trần Thị Ngọc Á - Chức vụ: Trưởng phòng KHDNVVN Ngân hàng C1 - Chi nhánh Đ1. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

(Theo văn bản ủy quyền thường xuyên tham gia tố tụng số 733/UQ-HĐQT-NHCT- PCTT3 ngày 18/07/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần C1).

- Bị đơn: Công Ty TNHH P1.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1969.

Địa chỉ trụ sở chính: Số A Đ (D G), Phường T, Tp ., Tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim L, Ông Đoàn Mạnh P, ông Đoàn Anh T, bà Đoàn Anh T1. Địa chỉ: A Đ (D G cũ), phường T, TP ., tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

2/ Bà **Võ Thị V**, sinh năm 1940. 133 **Đ** (43 Giải Phóng cũ), **phường T, TP**
, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại toà án, Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Căn cứ Hợp đồng cho vay hạn mức đã ký kết giữa **Ngân hàng TMCP C1** – **Chi nhánh Đ2** và **CÔNG TY TNHH P1**: số 23.61.35/ 2023-HĐCVHM/NHCT502-PHUCTHU ngày 14/02/2023, cụ thể như sau: Hợp đồng cho vay số 21.42.0063/2021-HĐCV/NHCT502 ngày 01/12/2021; Số tiền vay : 7.200.000.000 đồng. Thời hạn vay Tần suất trả nợ : 12 tháng, thời gian tối đa của mỗi giấy nhận nợ là: 06 tháng, thời gian trả lãi: hàng tháng Thời hạn trả nợ lãi vào ngày 10 hàng tháng kể từ ngày 14/02/2023; Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh bia, nước giải khát,...Lãi suất vay: Thả nổi, áp dụng thời điểm giải ngân là 9%/năm; Lãi suất hiện tại: 9%/năm. Lãi phạt nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Công ty TNHH P1 đã quá hạn lãi và gốc từ ngày 20/10/2023. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc, nhắc nhở về việc trả nợ. Tuy nhiên đến nay Doanh nghiệp vẫn chưa thực hiện trả nợ.

Công ty TNHH P1 đã dùng tài sản thế chấp của chính khách hàng vay và Tài sản của bên thứ 3 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 18.61.309/2018/HĐBD/NHCT502- CTY PHUCTHU ngày 06/11/2018, công chứng ngày 06/11/2018, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 07/11/2018; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20.61.11/2020/HĐBD/NHCT502- CTY PHUC THU ngày 15/01/2020, công chứng ngày 15/01/2020, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 15/01/2020; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 23.61.94/2023/HĐBD/NHCT502-PHUCTHU ngày 30/08/2023, công chứng ngày 30/08/2023, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 30/08/2023.

Ngày 21/3/2024, Khách hàng đã nộp số tiền 500.000.000 đồng gốc và 0 đồng tiền lãi để thanh toán phần dư nợ liên quan đến tài sản thế chấp là xe ô tô **H** sản xuất năm 2019, BKS: 47A-286.39, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 051891 do **Công an tỉnh Đ** cấp ngày 28/6/2019 và thực hiện rút tài sản bảo đảm về. Vào ngày 02/07/2024, Khách hàng đã nộp số tiền 3.750.000.000 đồng gốc và 0 đồng tiền lãi để thanh toán phần dư nợ liên quan đến Tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 895808 do **UBND thành phố B** cấp ngày 16/11/2012 và thực hiện rút tài sản bảo đảm về. **Ngân hàng TMCP C1** - **Chi nhánh Đ2** không yêu cầu giải quyết đối với các tài sản trên nữa.

Các Tài sản thế chấp còn lại, cụ thể là:

+ Tài sản 01: Quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20.61.11/2020/HĐBD/NHCT502- CTY PHUC THU ngày 15/01/2020, công chứng ngày 15/01/2020, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 15/01/2020.

Thông tin cụ thể như sau: Chủ tài sản – Bên **Thế C**: Hộ Bà **Nguyễn Thị Kim L**. Chi tiết tài sản thế chấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CR 868255 do **Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ** cấp ngày 17/12/2019, cụ thể như sau: Thửa đất số: 201; Tờ bản đồ số: 01; Địa chỉ: **Bon P, Xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**; Diện tích : 1140 m²

+ Tài sản 02: Quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 23.61.94 /2023/HĐBD/NHCT502-PHUCTHU ngày 30/08/2023, công chứng ngày 30/08/2023, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 30/08/2023. Thông tin cụ thể như sau: Chủ tài sản – Bên Thế Chấp : Bà **Nguyễn Thị Kim L**.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 395036 do **Sở Tài Nguyên và môi trường tỉnh Đ** cấp ngày 17/06/2021. Cập nhập thay đổi chủ sở hữu ngày 25/08/2023, cụ thể như sau: Thửa đất số : 08 (cũ 122); Tờ bản đồ số : 9 (cũ 4); Địa chỉ: **Xã H, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; Diện tích : 6949,1 m².

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 395037 do **Sở Tài Nguyên và môi trường tỉnh Đ** cấp ngày 17/06/2021. Cập nhập thay đổi chủ sở hữu ngày 25/08/2023, cụ thể như sau: . Thửa đất số : 69 (cũ 35B); Tờ bản đồ số : 31 (cũ 4); Địa chỉ: **Xã H, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; Diện tích : 2099,3 m².

Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả số tiền tạm tính đến hết ngày 30/08/2024 là: 3.313.038.558 đồng, trong đó: Nợ gốc 2.670.000.000 đồng; Nợ lãi 643.038.558 đồng (Trong đó bao gồm: Lãi trong hạn: 495.220.993 đồng. Lãi phạt chậm trả: 147.817.565 đồng) và bị đơn phải trả toàn bộ tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 31/8/2024 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bị đơn không thanh toán cho Ngân hàng thì đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Hộ ông **Đoàn Mạnh P** và bà **Nguyễn Thị Kim L** để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

* Đối với bị đơn **Công Ty TNHH P1**, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị Kim L**, ông **Đoàn Mạnh P**, ông **Đoàn Anh T**, bà **Đoàn Anh T1**, bà **Võ Thị V**, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không lên Tòa án làm việc nên không tiến hành lấy lời khai được.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Đây là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, Yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu ” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng Thương mại cổ phần C1**.

Buộc **Công ty TNHH P1** phải trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần C1** số tiền tạm tính đến hết ngày 30/08/2024 là: : 3.313.038.558 đồng, trong đó: Nợ gốc 2.670.000.000 đồng; Nợ lãi 643.038.558 đồng (Trong đó bao gồm: Lãi trong hạn: 495.220.993 đồng. Lãi phạt chậm trả: 147.817.565 đồng) và bị đơn phải trả toàn bộ tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 31/8/2024 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bị đơn không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ hồ sơ vụ án thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn có trụ sở tại **số A Đ (D G), Phường T, Tp ., Tỉnh Đắk Lắk**. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa; nhưng tại phiên tòa lần thứ hai bị đơn **Công Ty TNHH P1**, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị Kim L**, ông **Đoàn Mạnh P**, ông **Đoàn Anh T**, bà **Đoàn Anh T1**, bà **Võ Thị V** vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung vụ án: **Xét** yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần C1**. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, thể hiện giữa **Ngân hàng Thương mại cổ phần C1** và **Công ty TNHH P2** hợp đồng cho vay hạn mức số 23.61.35/ 2023-HĐCVHM/NHCT502-PHUCTHU ngày 14/02/2023, cụ thể như sau: Hợp đồng cho vay số 21.42.0063/2021-

HĐCV/NHCT502 ngày 01/12/2021; Số tiền vay: 7.200.000.000 đồng. Thời hạn vay Tần suất trả nợ : 12 tháng, thời gian tối đa của mỗi giấy nhận nợ là: 06 tháng, thời gian trả lãi: hàng tháng Thời hạn trả nợ lãi vào ngày 10 hàng tháng kể từ ngày 14/02/2023; Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh bia, nước giải khát, Lãi suất vay : Thả nổi, áp dụng thời điểm giải ngân là 9%/năm; Lãi suất hiện tại: 9%/năm. Lãi phạt nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Như vậy giữa các bên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng. Đến hạn trả nợ, Công ty TNHH P1 không trả nợ cho ngân hàng đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại các Điều 463; 466 Bộ luật dân sự.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH P1 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 30/08/2024 là : 3.313.038.558 đồng, trong đó: Nợ gốc 2.670.000.000 đồng; Nợ lãi 643.038.558 đồng (Trong đó bao gồm: Lãi trong hạn: 495.220.993 đồng. Lãi phạt chậm trả: 147.817.565 đồng) và yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 31/8/2024 cho đến khi trả hết nợ có căn cứ cần chấp nhận.

Xét Văn bản bảo lãnh ngày 15/01/2020 giữa hộ bà Nguyễn Thị Kim L gồm có bà Nguyễn Thị Kim L, ông Đoàn Mạnh P, ông Đoàn Anh T, bà Đoàn Anh T1, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20.61.11/2020/HĐBD/NHCT502- CTY PHUC THU ngày 15/01/2020, công chứng ngày 15/01/2020, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 15/01/2020; do bên T: Hộ Bà Nguyễn Thị Kim L (Bà Nguyễn Thị Kim L là người đại diện theo hợp đồng ủy quyền số 201/2020/HĐUQ ngày 13/01/2020 Số công chứng 0549 tại Văn phòng C2) ký kết và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 23.61.94/2023/HĐBD/NHCT502-PHUCTHU ngày 30/08/2023, công chứng ngày 30/08/2023, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 30/08/2023. Do Bên Thế Chấp: Bà Nguyễn Thị Kim L ký kết. Các hợp đồng được ký kết giữa Ngân hàng và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan dùng tài sản của mình để đảm bảo cho khoản vay của bị đơn đã được công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm là hợp pháp đúng theo quy định của pháp luật nên có hiệu lực.

Trường hợp bị đơn Công ty TNHH P1 không trả được khoản nợ trên thì ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để thu hồi nợ cho ngân hàng.

[4] Về chi phí tố tụng: Đối với chi phí xem xét, thẩm định tài sản. Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn Công ty TNHH P1 phải chịu chi phí thẩm định tài sản. Hoàn trả chi phí thẩm định tài sản cho Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần CI sau khi thu hồi của Công ty TNHH P1.

[4]. Về án phí: Công ty TNHH P1 phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Ngân hàng Thương mại cổ phần CI không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 158, khoản 2 Điều 227, Điều 228 ; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 292, 295, 298, 299, 301, 317, 318, 319, 320, 335, 336, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng Thương mại cổ phần C1**.

Buộc **Công ty TNHH P1** phải trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần C1** số tiền tạm tính đến hết ngày 30/08/2024 là: 3.313.038.558 đồng, trong đó: Nợ gốc 2.670.000.000 đồng; Nợ lãi 643.038.558 đồng (Trong đó bao gồm: Lãi trong hạn: 495.220.993 đồng. Lãi phạt chậm trả: 147.817.565 đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi **Công ty TNHH P1** trả nợ xong, thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho hộ bà **Nguyễn Thị Kim L** các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp là 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CR 868255 do **Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ** cấp ngày 17/12/2019; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và

tài sản khác gắn liền với đất số DA 395036 do **Sở Tài Nguyên và môi trường tỉnh Đ** cấp ngày 17/06/2021, 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 395037 do **Sở Tài Nguyên và môi trường tỉnh Đ** cấp ngày 17/06/2021.

Trường hợp **Công ty TNHH P1** không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử

dụng đất số 20.61.11/2020/HĐBD/NHCT502- CTY PHUC THU ngày 15/01/2020, công chứng ngày 15/01/2020, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 15/01/2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 23.61.94/2023/HĐBD/NHCT502-PHUCTHU ngày 30/08/2023, công chứng ngày 30/08/2023, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 30/08/2023 để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Tài sản gồm:

- Tài sản 1: Quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CR 868255 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 17/12/2019, cụ thể như sau: Thửa đất số: 201; Tờ bản đồ số: 01; Địa chỉ Bon Phi M, Xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Diện tích 1140 m², mang tên hộ bà Nguyễn Thị Kim L.

- Tài sản 02. Quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 395036 do Sở Tài Nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 17/06/2021. Cập nhập thay đổi chủ sở hữu ngày 25/08/2023. Cụ thể như sau: Thửa đất số 08 (cũ 122); Tờ bản đồ số: 9 (cũ 4); Địa chỉ : Xã H, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Diện tích 6949,1 m² mang tên bà Võ Thị V tặng cho bà Nguyễn Thị Kim L ngày 25/8/2023.

- Tài sản 03: Quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 395037 do Sở Tài Nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 17/06/2021. Cập nhập thay đổi chủ sở hữu ngày 25/08/2023, cụ thể như sau: Thửa đất số: 69 (cũ 35B); tờ bản đồ số: 31 (cũ 4); Địa chỉ: Xã H, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Diện tích : 2099,3 m² mang tên bà Võ Thị V tặng cho bà Nguyễn Thị Kim L ngày 25/8/2023.

[2]. Về chi phí tố tụng: Công ty TNHH P1 phải chịu chi phí xem xét thẩm định tài sản là 15.000.000 đồng. Hoàn trả lại số tiền 15.000.000 đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 sau khi thu hồi của Công ty TNHH P1.

[3]. Về án phí: Công ty TNHH P1 phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật là 98.295.163 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 57.593.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005429 ngày 05/03/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS Tp. Buôn Ma Thuột,
- VKS tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS
Tp. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Đôn

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Đ

“

